

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 33



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **1. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24/08/2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4703000301 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn pháp định là 6.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND.

### **2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### **3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

#### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

#### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN THỊ BẠCH MAI**

Số: 16.115/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 01 năm 2016 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 09 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL****K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN****NGUYỄN CHÁNH THÀNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0544-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>114.544.189.715</b>	<b>116.384.772.359</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>57.423.882.727</b>	<b>57.292.526.422</b>
1. Tiền	111	(5.1)	15.849.779.513	9.786.460.961
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.574.103.214	47.506.065.461
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.086.413.889</b>	<b>55.001.201.055</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	46.715.715.626	43.616.500.410
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.496.772.346	9.468.536.263
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	3.532.898.185	5.335.800.010
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(3.658.972.268)	(3.419.635.628)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>474.210.272</b>	<b>321.406.818</b>
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	474.210.272	321.406.818
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.559.682.827</b>	<b>3.769.638.064</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.10)	117.513.616	160.429.678
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.442.169.211	3.595.709.309
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	13.499.077
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>529.215.985.971</b>	<b>377.477.598.543</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>368.419.720.225</b>	<b>211.721.051.069</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.8)	368.051.074.087	211.439.253.856
- Nguyên giá	222		538.229.889.056	358.348.277.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.178.814.969)	(146.909.024.009)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.9)	368.646.138	281.797.213
- Nguyên giá	228		2.608.063.207	2.359.063.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.239.417.069)	(2.077.265.994)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	(5.7)	<b>122.967.013.269</b>	<b>122.563.147.636</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		122.967.013.269	122.563.147.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.2)	<b>22.165.000.000</b>	<b>22.165.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.664.252.477</b>	<b>21.028.399.838</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	15.664.252.477	21.028.399.838
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>643.760.175.686</b>	<b>493.862.370.902</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>308.811.270.298</b>	<b>180.823.277.193</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>126.287.203.463</b>	<b>79.255.674.118</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	45.979.175.817	20.558.022.257
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.093.379.266	24.999.712
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	1.263.773.067	374.474.075
4. Phải trả người lao động	314		7.839.768.373	10.631.716.863
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.14)	1.757.870.233	377.526.725
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(5.16)	1.486.111.280	2.009.693.701
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.15)	1.820.099.015	2.074.139.685
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.11)	58.805.901.794	43.485.885.572
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.241.124.618	(280.784.473)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>182.524.066.835</b>	<b>101.567.603.075</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	24.057.351
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.11)	182.524.066.835	101.543.545.724
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	(5.17)	<b>334.948.905.388</b>	<b>313.039.093.710</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.17.1)	<b>334.948.905.388</b>	<b>313.039.093.710</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.479.870.000	123.479.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.17.7)	103.270.951.688	60.754.975.893
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	(5.17.7)	5.823.245.177	4.016.866.105
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.940.031.978	50.352.575.167
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.116.862.910	50.352.575.167
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.823.169.068	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>643.760.175.686</b>	<b>493.862.370.902</b>

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





VŨ THỊ QUỲNH TRANG

HUỲNH NGỌC TUẤN

NGUYỄN THỊ BẠCH MAI



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	322.426.198.412	270.101.377.039
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		322.426.198.412	270.101.377.039
3. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	214.471.703.871	170.212.675.682
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.954.494.541	99.888.701.357
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.452.019.210	2.405.469.599
6. Chi phí tài chính	22	(6.4)	9.602.267.184	5.717.316.669
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		9.572.733.069	5.716.758.064
7. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	13.132.736.803	12.895.433.693
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	35.947.547.204	33.339.646.019
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.723.962.560	50.341.774.575
10. Thu nhập khác	31	(6.7)	10.866.793.877	588.910.705
11. Chi phí khác	32	(6.8)	9.580.452.837	608.281.571
12. Lợi nhuận khác	40		1.286.341.040	(19.370.866)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.010.303.600	50.322.403.709
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.10)	3.031.802.964	2.691.222.905
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.978.500.636	47.631.180.804
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.17.5)	3.872	3.480
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.17.5)	3.872	3.480

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ QUỲNH TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH NGỌC TUẤN

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ BẠCH MAI



# CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		54.010.303.600	50.322.403.709
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		23.663.597.035	20.412.821.694
Các khoản dự phòng	03		239.336.640	484.060.316
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(51.198.048)	(13.687.115)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.406.645.162)	(2.780.928.190)
Chi phí lãi vay	06		9.572.733.069	5.716.758.064
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		84.028.127.134	74.141.428.478
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.397.332.262	(17.032.207.846)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(152.803.454)	(220.022.725)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		29.033.804.137	3.045.104.975
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.407.063.423	1.366.976.219
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.572.733.069)	(5.698.416.026)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.376.365.608)	(2.968.942.643)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.555.201.967)	(5.260.888.481)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>104.209.222.858</b>	<b>47.373.031.951</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(184.489.826.635)	(99.903.654.390)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.700.000	450.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.200.000.000	1.899.450.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.007.084.051	1.671.785.262
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(179.264.042.584)</b>	<b>(95.882.419.128)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	251.598.580.532	248.286.187.662
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(155.298.043.199)	(149.616.680.947)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(21.165.559.350)	(18.125.320.130)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>75.134.977.983</b>	<b>80.544.186.585</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>80.158.257</b>	<b>32.034.799.408</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>57.292.526.422</b>	<b>25.244.039.899</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51.198.048	13.687.115
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>57.423.882.727</b>	<b>57.292.526.422</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ QUỲNH TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUYỄN NGỌC TUẤN

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ BẠCH MAI



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24/08/2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4703000301 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Vốn pháp định là 6.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Cuối năm		Đầu năm	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Việt Nam	62.974.800.000	51%	62.974.800.000	51%
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	Việt Nam	24.671.510.000	20%	24.671.510.000	20%
Quý Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	4.625.040.000	4%	4.625.040.000	4%
Các cổ đông khác	Việt Nam	31.208.520.000	25%	31.208.520.000	25%
<b>Cộng</b>		<b>123.479.870.000</b>	<b>100%</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 246 nhân viên (31/12/2014: 241 nhân viên).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá (Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong khi ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho lạnh (trừ kho ngoại quan), kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan).
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi).
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Cảng Gò Dầu A, Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	45%	45%	45%

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.25.

### 4.2. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.1.

### 4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### **4.6. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **4.7. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí tiền thuê đất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Chi phí đào tạo, quảng cáo được phân bổ;
- Chi phí mua bảo hiểm xe được phân bổ.

### 4.9. Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

#### *Phương pháp khấu hao*

Nhóm tài sản dưới đây có nguyên giá được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 02 cầu Liebherr.

### 4.10. Tài sản cố định vô hình

#### *Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

##### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 03 – 06 năm.

### 4.11. Chi phí đi vay

#### *Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay*

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 4.12. Đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác*

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

##### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

#### *Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính*

##### *Đối với các khoản đầu tư khác*

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

### 4.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay, chi phí môi giới xếp dỡ hàng hóa được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### 4.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

### 4.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê kho bãi.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

### 4.17. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### *Quỹ dự trữ*

Theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2015, các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập như sau:

- + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 4%
- + Quỹ đầu tư phát triển: 40%
- + Quỹ chi công tác xã hội: 3%
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi: 7%
- + Quỹ khen thưởng Ban Điều Hành: 1%

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

5178  
CÔNG  
VIỆM  
M T  
Đ.T  
T.P H

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 4.18. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### 4.20. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

### 4.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

### 4.22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 4.23. Thuế

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

#### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

#### ***Ưu đãi, miễn giảm thuế***

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (cảng biển) trong thời hạn 12 năm kể từ năm 2009 và được giảm 50% số thuế phải nộp từ hoạt động kinh doanh chính trong thời hạn 8 năm kể từ năm 2009. Chính sách thuế ưu đãi áp dụng đối với Công ty đã được cơ quan thuế chấp nhận trong các biên bản quyết toán thuế gần đây.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp cho tàu ngoài nước: 0%
- Thu tiền nước: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 4.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.25. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	<b>Đầu năm</b> (Được báo cáo lại)	<b>VND</b> <b>Đầu năm</b> (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	5.335.800.010	4.936.900.507
Tài sản ngắn hạn khác	-	398.899.503
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.009.693.702	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24.057.351	2.033.751.053
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.480	3.857

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>TT200</b>	<b>CMKT &amp; Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ- BTC</b>
Tạm ứng	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác

(Xem tiếp trang sau)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	439.630.441	516.598.887
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.410.149.072	9.269.862.074
Các khoản tương đương tiền	41.574.103.214	47.506.065.461
<b>Cộng</b>	<b><u>57.423.882.727</u></b>	<b><u>57.292.526.422</u></b>

#### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			DVT: ngàn đồng
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:							
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.665.000	-	1.665.000	1.665.000	-	1.665.000	(a)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	13.500.000	-	13.500.000	13.500.000	-	13.500.000	(b)
<b>Cộng</b>	<b><u>15.165.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.165.000</u></b>	<b><u>15.165.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.165.000</u></b>	
Đầu tư vào đơn vị khác:							
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	7.000.000	-	7.000.000	7.000.000	-	7.000.000	(c)
<b>Cộng</b>	<b><u>7.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>7.000.000</u></b>	<b><u>7.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>7.000.000</u></b>	

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhớt các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng.

Tại thời điểm báo cáo, các khoản đầu tư vào đơn vị khác không có thông tin trên thị trường để tính toán giá trị hợp lý.

(Xem tiếp trang sau)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 5.3. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Phải thu của khách hàng cung cấp dịch vụ	46.715.715.626	43.616.500.410
<b>Cộng</b>	<b>46.715.715.626</b>	<b>43.616.500.410</b>
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	37.245.780	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	49.300.790	97.555.084
<b>Cộng</b>	<b>86.546.570</b>	<b>97.555.084</b>

### 5.4. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu tiền nhượng bán cổ phiếu	2.787.300.000	-	3.987.300.000	-
Phải thu cổ tức được chia từ bên liên quan	-	-	675.000.000	-
Phải thu người lao động	410.833.000	-	398.899.503	-
Phải thu khác	334.765.185	-	274.600.507	-
<b>Cộng</b>	<b>3.532.898.185</b>	<b>-</b>	<b>5.335.800.010</b>	<b>-</b>

### 5.5. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	6.930.550.853	3.658.972.268	7.581.303.887	3.419.635.628
<b>Cộng</b>	<b>6.930.550.853</b>	<b>3.658.972.268</b>	<b>7.581.303.887</b>	<b>3.419.635.628</b>

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	243.492.381	-
Công cụ, dụng cụ	474.210.272	-	77.914.437	-
<b>Cộng</b>	<b>474.210.272</b>	<b>-</b>	<b>321.406.818</b>	<b>-</b>

### 5.7. Tài sản dở dang dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Xây dựng cơ bản	122.967.013.269	122.563.147.636
<b>Cộng</b>	<b>122.967.013.269</b>	<b>122.563.147.636</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tài sản xây dựng cơ bản dở dang được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>VND Đầu năm</b>
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (09ha)	54.084.309.525	41.407.343.923
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư	27.054.453.800	27.054.453.800
Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 2	14.094.571.886	11.626.856.461
Các dự án khác	27.733.678.058	42.474.493.452
<b>Cộng</b>	<b><u>122.967.013.269</u></b>	<b><u>122.563.147.636</u></b>

(Xem tiếp trang sau)





## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục						VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	276.630.475.808	38.828.694.231	37.851.415.938	3.345.138.251	1.692.553.637	358.348.277.865
Đầu tư XDCB hoàn thành	159.570.928.057	-	-	-	-	159.570.928.057
Mua trong năm	-	17.560.214.002	1.477.391.797	841.981.895	662.750.440	20.542.338.134
Thanh lý	-	-	(74.000.000)	(157.655.000)	-	(231.655.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>436.201.403.865</b>	<b>56.388.908.233</b>	<b>39.254.807.735</b>	<b>4.029.465.146</b>	<b>2.355.304.077</b>	<b>538.229.889.056</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	113.791.161.210	11.676.167.949	18.691.930.561	1.928.505.952	821.258.337	146.909.024.009
Khấu hao trong năm	15.417.667.710	2.641.772.695	4.510.677.681	624.773.920	306.553.954	23.501.445.960
Thanh lý	-	-	(74.000.000)	(157.655.000)	-	(231.655.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>129.208.828.920</b>	<b>14.317.940.644</b>	<b>23.128.608.242</b>	<b>2.395.624.872</b>	<b>1.127.812.291</b>	<b>170.178.814.969</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	162.839.314.598	27.152.526.282	19.159.485.377	1.416.632.299	871.295.300	211.439.253.856
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>306.992.574.945</b>	<b>42.070.967.589</b>	<b>16.126.199.493</b>	<b>1.633.840.274</b>	<b>1.227.491.786</b>	<b>368.051.074.087</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 295.634.111.693 đồng – Xem thêm mục 5.11  
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 43.109.573.999 đồng.  
Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai là 31.208.636.053 đồng.

### 5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	1.818.363.207	540.700.000	2.359.063.207
Mua trong năm	-	249.000.000	249.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.818.363.207</b>	<b>789.700.000</b>	<b>2.608.063.207</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	1.818.363.207	258.902.787	2.077.265.994
Khấu hao trong năm	-	162.151.075	162.151.075
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.818.363.207</b>	<b>421.053.862</b>	<b>2.239.417.069</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	-	281.797.213	281.797.213
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>368.646.138</b>	<b>368.646.138</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.818.363.207 đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 5.10. Chi phí trả trước

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	32.624.837
Chi phí cước thuê bao chỗ đặt máy chủ và chi phí quảng cáo chờ phân bổ	26.599.996	27.866.672
Mua bảo hiểm xe chờ phân bổ	90.913.620	99.938.169
<b>Cộng</b>	<b>117.513.616</b>	<b>160.429.678</b>

	Cuối năm	VND Đầu năm
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	207.045.211	3.653.590.821
Chi phí tư vấn phát triển năng lực lãnh đạo và lựa chọn giải pháp	688.988.182	1.594.736.681
Tiền thuê đất trả trước	14.768.219.084	15.780.072.336
<b>Cộng</b>	<b>15.664.252.477</b>	<b>21.028.399.838</b>

Tiền thuê đất trả trước là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3ha, số tiền này được căn trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp cho Ngân sách nhà nước (Cục thuế Tỉnh Đồng Nai). Ngày 24/09/2015, Cục thuế Tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 687/TB.CT.QLCKTTD cho phép Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai quy đổi số tiền còn phải căn trừ còn lại tương ứng với thời gian hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đến hết thời hạn thuê đất (16/11/2059).

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**5.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	58.805.901.794	58.805.901.794	170.451.392.754	155.131.376.532	43.485.885.572	43.485.885.572	
Vay dài hạn	182.524.066.835	182.524.066.835	113.104.593.020	32.124.071.909	101.543.545.724	101.543.545.724	
<b>Cộng</b>	<b>241.329.968.629</b>	<b>241.329.968.629</b>	<b>283.555.985.774</b>	<b>187.255.448.441</b>	<b>145.029.431.296</b>	<b>145.029.431.296</b>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2015	01/01/2015	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,3%/năm	15.630.095.309	15.726.523.274	(a)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	6,3%/năm	11.219.526.243	10.872.379.181	(b)
Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt	VND	6,3%/năm	-	4.549.183.117	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>					
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7,8% - 8,4%/năm	19.075.000.000	7.968.000.000	(c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,4%/năm	5.824.800.000	3.574.800.000	(d)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	7,97% - 8,5%/năm	4.343.980.242	795.000.000	(e)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	7%/năm	2.712.500.000	-	(f)
<b>Cộng</b>			<b>58.805.901.794</b>	<b>43.485.885.572</b>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2015	01/01/2015	VND
<i>Khoản vay dài hạn</i>					
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7,8% - 8,4%/năm	85.310.109.247	50.512.790.579	(c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,4%/năm	25.225.647.961	19.825.755.145	(d)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	7,97% - 8,5%/năm	47.742.476.294	31.205.000.000	(e)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	7%/năm	24.245.833.333	-	(f)
<b>Cộng</b>			<b>182.524.066.835</b>	<b>101.543.545.724</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Xe cầu Lima 700TC-02 (01 chiếc)
- Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc)
- Cần trục bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc)

(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH)

- Toàn bộ công trình xây dựng, hệ thống cầu, bến cảng và các công trình phụ trợ tại cảng Gò Dầu A, cảng Gò Dầu B theo văn bản cam kết ngày 24/01/2013 (Hợp đồng thế chấp số 58/12/VCB.BH ngày 12/3/2012)

(b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Cầu cảng LBT bến 2000 tấn
- Cầu cảng LBT bến 5000 tấn
- Cầu nối 2 khu vực
- Nâng cấp bến 2000 lên 5000 DWT

(Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2013/HĐTC-TD ngày 09/12/2013)

- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014)

- 01 xe Toyota Altis 60V 9433
- 01 xe Inova 60S-0595
- 01 máy đào bánh xích 60XA-0660
- 01 máy đào bánh xích 60XA-0659
- 01 trạm cân 80T-GDB
- 01 xe nâng container 45 tấn hiệu Kalmar Reachstacker

(Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2012/HĐTC-TD ngày 25/12/2012 và tài sản hình thành sau đầu tư)

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bến sà lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH).

- Chân đế trụ cầu thuộc công trình bến sà lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân
- 01 cầu bờ cố định 40T/30m-Macgregor GL4030-2

(Theo hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH)

- Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m<sup>2</sup> (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13)

- Xe cầu Lima 700TC-02 (01 chiếc)
- Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc)
- Cần trục bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc)

(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH)

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai từ dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B tại Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 55.288m<sup>2</sup> (Hợp đồng thế chấp tài sản số 0145/2015/BĐ).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Thửa đất số 575/TLBV dự án đầu tư mở rộng cảng Đồng Nai tại Phường Long Bình Tân, diện tích 91.843m<sup>2</sup> (Hợp đồng thế chấp tài sản số 197/2014/BĐ)

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m<sup>2</sup> tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đổ 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC).

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp – xem thêm mục 5.8

### 5.12. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:					
Tổng Công ty Xây Dựng Bạch Đằng	7.455.774.599	7.455.774.599	-	-	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bốc Đỡ Bình Khánh	5.704.586.001	5.704.586.001	3.984.961.324	3.984.961.324	
Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 6	5.467.304.962	5.467.304.962	-	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	5.129.117.692	5.129.117.692	3.183.921.090	3.183.921.090	
Phải trả cho các đối tượng khác	22.222.392.563	22.222.392.563	13.389.139.843	13.389.139.843	
<b>Cộng</b>	<b>45.979.175.817</b>	<b>45.979.175.817</b>	<b>20.558.022.257</b>	<b>20.558.022.257</b>	

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	5.129.117.692	5.129.117.692	3.183.921.090	3.183.921.090	
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	122.438.191	122.438.191	107.691.781	107.691.781	
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học	12.492.500	12.492.500	8.912.500	8.912.500	
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	7.700.000	7.700.000	3.300.000	3.300.000	
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	7.400.000	7.400.000	-	-	
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	-	72.442.260	72.442.260	
<b>Cộng</b>	<b>5.279.148.383</b>	<b>5.279.148.383</b>	<b>3.376.267.631</b>	<b>3.376.267.631</b>	

### 5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	148.375.303	2.271.109.206	2.070.440.266	349.044.243
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.098.772	3.064.995.660	2.376.365.608	914.728.824
<b>Cộng</b>	<b>374.474.075</b>	<b>5.336.104.866</b>	<b>4.446.805.874</b>	<b>1.263.773.067</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí thuê cầu trục làm hàng tại bến tàu 30.000 DWT	818.181.818	-
Chi phí lãi vay	751.092.788	316.063.816
Chi phí thuê thiết bị xếp dỡ, công nhân phải trả	188.595.627	61.462.909
<b>Cộng</b>	<b><u>1.757.870.233</u></b>	<b><u>377.526.725</u></b>

### 5.15. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Phải trả về tiền đền bù trạm nước xã Phước Thái, nạo vét luồng vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	69.753.660	243.735.110
Các khoản phải trả, phải nộp khác	376.963.105	457.022.325
<b>Cộng</b>	<b><u>1.820.099.015</u></b>	<b><u>2.074.139.685</u></b>

### 5.16. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê kho bãi.

(Xem tiếp trang sau)



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

## 5.17. Vốn chủ sở hữu

### 5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	82.319.980.000	74.434.806.545	73.323.843.424	9.330.116.999	2.312.671.428	38.225.378.803	279.946.797.199
Tăng/(giảm) vốn trong năm	41.159.890.000	-	(41.159.890.000)	-	-	-	-
Tăng/(giảm) khác trong năm	-	-	9.330.116.999	(9.330.116.999)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	47.631.180.804	47.631.180.804
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.260.905.470	-	-	(19.260.905.470)	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	1.704.194.677	(1.704.194.677)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.982.340.685)	(2.982.340.685)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	-	(1.278.146.008)	(1.278.146.008)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.878.397.600)	(9.878.397.600)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>74.434.806.545</b>	<b>60.754.975.893</b>	<b>-</b>	<b>4.016.866.105</b>	<b>50.352.575.167</b>	<b>313.039.093.710</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	50.978.500.636	50.978.500.636
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	42.515.975.795	-	-	(42.515.975.795)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.806.379.072	(1.806.379.072)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.322.326.754)	(6.322.326.754)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	-	(1.354.784.304)	(1.354.784.304)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(20.991.577.900)	(20.991.577.900)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>74.434.806.545</b>	<b>103.270.951.688</b>	<b>-</b>	<b>5.823.245.177</b>	<b>27.940.031.978</b>	<b>334.948.905.388</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	62.974.800.000	62.974.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	60.505.070.000	60.505.070.000
<b>Cộng</b>	<b>123.479.870.000</b>	<b>123.479.870.000</b>

### 5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	123.479.870.000	82.319.980.000
Vốn góp tăng trong năm	-	41.159.890.000
Vốn góp cuối năm	123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.991.577.000	9.878.397.600

### 5.17.4. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	12.347.987	12.347.987

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

### 5.17.5. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	47.817.337.259	47.817.337.259
Tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	12.347.987	12.347.987
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.872</b>	<b>3.480</b>

### 5.17.6. Cổ tức

Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2015 ngày 10 tháng 04 năm 2015 đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015 là chia cổ tức với tỷ lệ 17% trên vốn điều lệ.

### 5.17.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển	VND Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	60.754.975.893	4.016.866.105
Trích trong năm	42.515.975.795	1.806.379.072
Chi trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>103.270.951.688</b>	<b>5.823.245.177</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	322.426.198.412	267.500.998.188
Doanh thu khác	-	2.600.378.851
<b>Cộng</b>	<b><u>322.426.198.412</u></b>	<b><u>270.101.377.039</u></b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	617.533.687	545.291.398
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	1.158.607.450	416.230.345
<b>Cộng</b>	<b><u>1.776.141.137</u></b>	<b><u>961.521.743</u></b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	214.471.703.871	167.612.296.831
Giá vốn khác	-	2.600.378.851
<b>Cộng</b>	<b><u>214.471.703.871</u></b>	<b><u>170.212.675.682</u></b>
Trong đó, giá vốn các dịch vụ các bên có liên quan cung cấp – Xem thêm mục 9		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	409.881.510	766.214.380
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	27.812.462.958	27.895.325.117
<b>Cộng</b>	<b><u>28.222.344.468</u></b>	<b><u>28.661.539.497</u></b>

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.536.407.662	543.037.484
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.851.537.500	1.848.745.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.876.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.198.048	13.687.115
<b>Cộng</b>	<b><u>3.452.019.210</u></b>	<b><u>2.405.469.599</u></b>

#### 6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	9.572.733.069	5.716.758.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.520.000	558.605
<b>Cộng</b>	<b><u>9.602.267.184</u></b>	<b><u>5.717.316.669</u></b>

#### 6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.612.661.846	1.984.384.508
Chi phí bằng tiền khác	10.520.074.957	10.911.049.185
<b>Cộng</b>	<b><u>13.132.736.803</u></b>	<b><u>12.895.433.693</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.364.219.973	12.168.764.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.062.956.171	8.321.816.205
Chi phí khác bằng tiền	8.473.917.952	7.175.515.582
Thuế, phí, lệ phí	3.130.867.637	574.262.045
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	239.336.650	484.060.316
Các khoản chi phí quản lý khác	4.676.248.821	4.615.227.711
<b>Cộng</b>	<b><u>35.947.547.204</u></b>	<b><u>33.339.646.019</u></b>

**6.7. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	10.516.911.275	7.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.700.000	450.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	136.144.000	-
Phí chia sẻ ứng cứu tràn dầu	42.000.000	60.000.000
Thu nhập khác	153.038.602	71.910.705
<b>Cộng</b>	<b><u>10.866.793.877</u></b>	<b><u>588.910.705</u></b>

**6.8. Chi phí khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí sửa chữa tài sản bị hỏng	9.415.252.302	347.982.733
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	60.854.294
Các khoản bị phạt	-	194.600.000
Các khoản khác	165.200.535	4.844.544
<b>Cộng</b>	<b><u>9.580.452.837</u></b>	<b><u>608.281.571</u></b>

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.493.764.539	13.295.469.474
Chi phí nhân công	48.172.536.703	42.885.030.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.663.597.035	20.412.821.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.213.796.692	116.422.006.112
Chi phí khác bằng tiền	19.008.292.909	20.832.049.222
<b>Cộng</b>	<b><u>263.551.987.878</u></b>	<b><u>213.847.376.544</u></b>

(Xem tiếp trang sau)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	54.010.303.600	50.322.403.709
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.433.068.058	866.193.964
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.851.537.500)	(1.848.745.000)
Thu nhập tính thuế	55.591.834.158	49.339.852.673
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	54.108.238.535	49.160.337.600
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông 22%</i>	1.483.595.623	179.515.073
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	5.410.823.854	4.916.033.760
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	326.391.037	39.493.316
Trừ: Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính được giảm 50% số thuế phải nộp trong 8 năm từ năm 2009	(2.705.411.927)	(2.458.016.880)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	193.712.709
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>3.031.802.964</b>	<b>2.691.222.905</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

#### 7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	251.598.580.532
<b>Cộng</b>	<b>251.598.580.532</b>

#### 7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	155.298.043.199
<b>Cộng</b>	<b>155.298.043.199</b>

### 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### 9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
8. Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc
9. Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
10. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>VND Đầu năm</b>
Phải thu – Xem thêm mục 5.3		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	37.245.780	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	49.300.790	97.555.084
<b>Cộng</b>	<b>86.546.570</b>	<b>97.555.084</b>

	<b>Cuối năm</b>	<b>VND Đầu năm</b>
Phải trả - Xem thêm mục 5.12		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(5.129.117.692)	(3.183.921.090)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(122.438.191)	(107.691.781)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học	(12.492.500)	(8.912.500)
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	(7.700.000)	(3.300.000)
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	(7.400.000)	-
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	(72.442.260)
<b>Cộng</b>	<b>(5.279.148.383)</b>	<b>(3.376.267.631)</b>

▪ Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	<b>Năm này</b>	<b>VND Năm trước</b>
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 6.1		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	617.533.687	545.291.398
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	1.158.607.450	416.230.345
<b>Cộng</b>	<b>1.776.141.137</b>	<b>961.521.743</b>

	<b>Năm nay</b>	<b>VND Năm trước</b>
Mua dịch vụ - Xem thêm mục 6.2		
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	409.881.510	766.214.380
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	27.812.462.958	27.895.325.117
<b>Cộng</b>	<b>28.222.344.468</b>	<b>28.661.539.497</b>

(Xem tiếp trang sau)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	VND Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	306.000.000	138.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	1.018.654.000	1.168.018.594
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	1.544.355.800	1.442.680.322
<b>Cộng</b>	<b>2.869.009.800</b>	<b>2.748.698.916</b>

### 10. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Nhà cửa, nhà xưởng, máy móc và thiết bị	31.208.636.053	48.921.450.000

### 11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 01 năm 2016.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ QUỲNH TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH NGỌC TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ BẠCH MAI